

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1198/2025/DS-ST
Ngày: 23 - 9 - 2025
V/v tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Ngọc Long;
- Bà Lê Thị Phương Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim An - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Ngọc Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 946/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 329/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 325/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tạ Viết S, sinh năm 1954;

Nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã Q, Thành phố Hà Nội (địa chỉ cũ: Thôn T, xã H, huyện C, Thành phố Hà Nội).

Nơi ở hiện tại: Số A đường P, Ấp A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số A đường P, Ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đồng Thanh T, sinh năm 1962 (có mặt);

Nơi đăng ký thường trú: Số D đường C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số D đường C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Nơi ở hiện tại: Số A Tỉnh lộ 8, Ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số A Tỉnh lộ 8, Khu phố B, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn V, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Nơi đăng ký thường trú: Số A đường N, ấp Đ, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số A đường N, ấp Đ, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Người làm chứng: Bà Trần Thị X, sinh năm 1966 (xin vắng mặt);

Nơi đăng ký thường trú: Số B, Tổ A, Khu phố A, phường T, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: Số B, Tổ A, Khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

Nơi ở hiện tại: Số A đường P, Ấp A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số A đường P, Ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 01/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Đồng Thanh T trình bày:

Ông Tạ Viết S có quen biết với ông Lê Văn V nên ngày 11/9/2023, ông V có đến nhà ông S hỏi vay 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng. Hai bên có viết giấy vay tiền cùng ngày 11/9/2023 với nội dung ông V vay của ông S 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, thời hạn vay là 03 (ba) tháng, không thỏa thuận lãi suất. Việc vay tiền có sự chứng kiến của bà Trần Thị X. Tuy nhiên, quá thời hạn thỏa thuận ông V không trả tiền cho ông S như đã cam kết và lẩn tránh. Do đó, ông S khởi kiện yêu cầu ông V có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nợ gốc là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng; tiền lãi từ ngày 11/12/2023 đến ngày 11/10/2024 với lãi suất 10%/năm là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng. Tổng số tiền ông S yêu cầu ông V phải trả là 325.000.000 (ba trăm hai mươi lăm triệu) đồng, yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông S hiện sống độc thân, số tiền ông S cho ông V vay là tiền cá nhân của ông S, không liên quan đến ai khác.

Tại bản tự khai ngày 21/3/2025, người làm chứng là bà Trần Thị X trình bày:

Vào khoảng tháng 8/2023, bà có làm giúp việc tại nhà ông Tạ Viết S. Trong quá trình làm việc, bà có biết ông Lê Văn V do ông V có đến nhà qua lại với ông S. Ngày 11/9/2023, bà có biết và chứng kiến việc S cho ông V vay số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng. Ông S giao tiền mặt cho ông V tại nhà ông S. Bà xác nhận chữ ký và ghi họ tên Trần Thị X trong giấy vay tiền ngày 11/9/2023 giữa ông Tạ Viết S và ông Lê Văn V là của bà. Bà cam đoan lời khai của bà là đúng sự thật và cam kết thực hiện đúng vai trò, nghĩa vụ của người làm chứng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Đồng Thanh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu, buộc bị đơn ông Lê Văn V phải trả lại nguyên đơn ông Tạ Viết S số tiền nợ gốc là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, tiền lãi là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng, tổng cộng là 325.000.000 (ba trăm hai mươi lăm triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Lê Văn V vắng mặt.

Người làm chứng bà Trần Thị X có đơn xin vắng mặt.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh:*

Về tố tụng:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nội dung quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định; thời hạn gửi thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát cùng cấp đúng quy định; thời hạn gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thời gian, địa điểm được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử; thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định; việc tham gia hỏi tại phiên tòa đúng quy định. Tuy nhiên, cần khắc phục vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tại Viết S, buộc bị đơn ông Lê Văn V có trách nhiệm trả cho ông S tổng số tiền nợ là 325.000.000 (ba trăm hai mươi lăm triệu) đồng, trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 25.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 01/11/2024, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 325.000.000 (ba trăm hai mươi lăm triệu) đồng. Đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại Số A đường N, ấp Đ, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn là ông Lê Văn V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Trần Thị X là người làm chứng đã có bản tự khai và xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về hình thức:

Tại giấy vay tiền ngày 11/9/2023, ông Lê Văn V xác nhận nội dung ông có vay của ông Tạ Viết S số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, thời hạn vay 03 (ba) tháng, không thỏa thuận lãi suất. Như vậy, về mặt hình thức, giấy vay tiền ngày 11/9/2023 đã được lập thành văn bản, phù hợp với Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Đồng thời, theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hợp đồng vay tài sản không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

[3.2] Về nội dung:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 01/11/2024, ông Tạ Viết S yêu cầu ông Lê Văn V phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng và tiền lãi là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng, tổng cộng 325.000.000 (ba trăm hai mươi lăm triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để cung cấp lời khai, trình bày ý kiến là từ bỏ quyền chứng minh, phản đối của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án là có cơ sở.

Tại giấy vay tiền ngày 11/9/2023 thể hiện ông S cho ông V vay số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng; thời hạn vay là 03 (ba) tháng, không thỏa thuận lãi suất. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Khi giao kết hợp đồng hai bên có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện. Quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận, ông V không trả tiền cho ông S là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ gốc 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả lãi, tại giấy vay tiền ngày 11/9/2023, hai bên không thỏa thuận lãi. Tuy nhiên, ông S yêu cầu ông V trả tiền lãi trên số tiền chậm trả với lãi suất 10%/năm là phù hợp quy định tại Khoản 4 Điều 466, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu số tiền lãi tính từ ngày 11/12/2023 đến ngày 11/10/2024: $300.000.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng} \times 10\%/\text{năm} = 25.000.000$ (hai mươi lăm triệu) đồng là phù hợp quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Lê Văn V có nghĩa vụ trả cho ông Tạ Viết S tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 325.000.000 (ba trăm hai mươi lăm triệu) đồng, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực là có cơ sở.

[4] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Văn V phải trả cho ông Tạ Viết S tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 325.000.000 (ba trăm hai mươi lăm triệu) đồng. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Lê Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tạ Viết S.

Buộc ông Lê Văn V có nghĩa vụ trả cho ông Tạ Viết S tổng số tiền nợ là 325.000.000 (ba trăm hai mươi lăm triệu) đồng theo giấy vay tiền ngày 11/9/2023.

Thi hành ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông V chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.250.000 (mười sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 8 - TPHCM;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 8 - TPHCM;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Như Ngọc